

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 972 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đê tả sông Dừa,
xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm
và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 9566/BKHĐT-KTNN ngày 30/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách Trung ương cho dự án đê tả sông Dừa tại một số xã huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Công văn số 475b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Thiệu Hóa tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 18/3/2016 (kèm theo hồ sơ) và Tờ trình số 881/SKHĐT-TĐ ngày 18/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, với những nội dung chính sau:

1. **Tên dự án:** Đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa.

2. **Tên chủ đầu tư:** UBND huyện Thiệu Hóa.

3. **Nhà thầu tư vấn lập dự án:** Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng.

4. **Mục tiêu đầu tư:** Bảo vệ an toàn và ổn định cho đê tả sông Dừa, bảo vệ tính mạng tài sản cho nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các xã trong vùng dự án.

5. **Quy mô đầu tư:** Đầu tư nâng cấp tuyến đê tả sông Dừa với tổng chiều dài 9.838 m đảm bảo tần suất lũ thiết kế $P = 10\%$, tần suất mực nước kiệt thiết kế $P = 95\%$.

6. **Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật:**

a) *Tuyến đê:* Tổng chiều dài $L = 9.838$ m (trong đó, 2 đoạn đê đắp mới với tổng chiều dài 619 m, đoạn từ $K3+313,5 \div K3+686$; $K4+151,9 \div K4+398,5$; các đoạn còn lại được nâng cấp trên cơ sở tuyến đê hiện có).

- Cao trình đỉnh đê $(+7.08) \div (+7.22)$ m; bề rộng mặt đê $B = 5$ m (riêng đoạn $K6+377 \div K8+043$ mở rộng mặt đê đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt $B = 10,5$ m); độ dốc ngang mặt đê về hai phía $i = (1 \div 4)\%$; hệ số mái đê phía sông, phía đồng: $m_s = m_d = 2$.

- Thân đê được đắp tôn cao, áp trúc, mở rộng mặt đê bằng đất nui lu lèn chặt, đảm bảo $K \geq 0,95$; mặt đê được gia cố bằng bê tông rộng $B = 4$ m. Riêng đoạn $K6+377 \div K8+043$ gia cố mặt đê theo mặt cắt mở rộng; mái đê được trồng cỏ chống xói lở; đoạn đê đi qua khu dân cư được giữ nguyên hiện trạng chỉ hoàn trả mặt đê sau khi thi công bằng bê tông dày 20 cm.

b) *Kè mái đê:* Tổng chiều dài $L = 1.198$ m (đoạn $K6+218,99 \div K6+636,39$ dài 417,4 m và đoạn $K6+865,62 \div K7+646,12$ dài 780,5 m). Mái kè lát cầu kiện bê tông đúc sẵn, kích thước $(40 \times 40 \times 16)$ cm trong hệ khung dầm bê tông cốt thép (BTCT), phía dưới tấm lát là lớp đá dăm dày 10 cm và lớp vải địa kỹ thuật. Chân kè gia cố bằng lăng thể đá hộc thả rời, cao trình đỉnh lăng thể $(+2.85)$ m, chiều rộng đỉnh lăng thể $B = 2$ m, mặt ngoài đỉnh lăng thể xếp đá hộc chèn chặt dày 30 cm, hệ số mái ngoài $m = (1,5 \div 2)$ m. Đỉnh kè tại cao trình $(+6.25)$ m là dầm BTCT, kích thước $(0,3 \times 0,5)$ m; mái đê từ đỉnh kè đến đỉnh đê $m = 2$, được trồng cỏ chống xói lở.

c) *Công trình qua đê:*

- Công tưới qua đê: Tổng số 4 công; trong đó 3 công hoàn trả, 1 công làm mới. Hình thức công tròn, kết cấu thân công bằng BTCT; đóng mở công bằng ổ khóa V2.

- Công tiêu dưới đê: Tổng số 17 công; trong đó 13 công làm mới, 4 công nối dài phù hợp với mặt cắt thiết kế đê mới. Hình thức công hộp (công tròn), kết cấu thân công bằng BTCT; đóng mở công bằng ổ khóa V3, V5.

7. **Nhóm dự án; loại, cấp công trình:** Dự án nhóm B; công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp V.

8. **Địa điểm xây dựng:** Trên địa bàn các xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hoà, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá.

9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 5 ha.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: **80.002 triệu đồng;**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	11.000 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng:	47.501 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	803 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.470 triệu đồng;
- Chi phí khác:	3.841 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	11.387 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư).

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm (từ năm 2016÷2018).

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

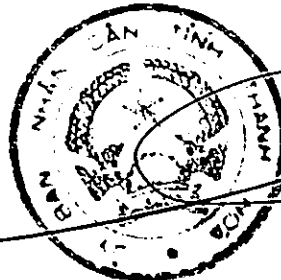
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hoá và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống Đưa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 972/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG CỘNG		80.002,0
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB		11.000,0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)		47.501,0
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gql)	$Gxdtt \times 1,86\%$	803,0
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Gtv)		5.470,0
1	Khảo sát bước lập dự án đầu tư		1.760,4
2	Lập dự án đầu tư	$Gxd \times 0,453\%$	215,2
3	Khảo sát bước lập TKBVTC	Tạm tính	1.100,0
4	Tư vấn lập TKBVTC-DT	$Gxd \times 1,839\%$	873,5
5	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$(Gxd+Gtv+Gk) \times 0,2\%$	102,9
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	$Gxd \times 1,699\%$	807,0
7	Giám sát, đánh giá dự án đầu tư	$Gql \times 20\%$	161,0
8	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	300,0
9	Giám sát bảo vệ môi trường	nt	150,0
V	CHI PHÍ KHÁC (Gk)		3.841,0
1	Rà phá bom mìn	Tạm tính	200,0
2	Phí tài nguyên môi trường		97,5
3	Thẩm định dự án đầu tư	$TMĐT \times 0,0135\%$	10,8
4	Thẩm định TKBVTC-DT	$Gxdtt \times 0,172\%$	74,3
5	Bảo hiểm xây dựng công trình	$Gxd \times 1,03\%$	489,3
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	20,0
7	Thẩm định hồ sơ mời thầu các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$Gxd \times 0,05\%$	25,7
8	Thẩm định KQĐT các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn, phi tư vấn)	$Gxd \times 0,05\%$	25,7
9	Kiểm toán công trình	$TMĐT \times 0,645\%$	516,0
10	Thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	$TMĐT \times 0,415\% \times 50\%$	331,7
11	Chi phí hạng mục chung		1.900,0
12	Chi phí thực hiện một số chi phí khác	Tạm tính	150,0
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		11.387,0
1	Do khối lượng phát sinh		6.872,3
2	Do yếu tố trượt giá		4.514,7